Vi□t b□i Biên t□p viên
Th□ b□y, 27 Tháng 10 2018 21:41 - L□n c□p nh□t cu□i Th□ b□y, 27 Tháng 10 2018 21:49

Bs Nguy□n L□□ng Quang - Khoa N□i TM

H□n 3 th□p niên k□ t□ khi Captopril là m□t thu□c □c ch□ men chuy□n đ□u tiên đ□□c đ□a vào di□u tr□ trên lâm sàng, ngày nay các thu□c □c ch□ men chuy□n v□n đ□□c xem là l□a ch□n hàng đ□u đ□ di□u tr□ các b□nh tim m□ch nh□ tăng huy□t áp, suy tim... Guideline 2018 c□a H□i Tim m□ch Châu Âu (ESC) di□u tr□ THA v□n ch□n UCMC ho□c □c ch□ th□ th□ angiotenin v□i m□c khuy□n cáo IA, đ□c bi□t cho b□nh nhân THA kèm đái tháo đ□□ng, b□nh th□n m□n…Tuy nhiên g□n đây, có s□ hoài nghi liêu UCMC có tăng nguy c□ gây ung th□ trong đó có ung th□ ph□i? M□t s□ b□ng ch□ng sinh h□c cho th□y m□i liên h□ gi□a UCMC và nguy c□ ung th□ ph□i. Vi□c s□ d□ng các UCMC gây ra s□ tích t□ bradykinin trong ph□i, kích thích s□ phát tri□n c□a ung th□ ph□i. S□ d□ng UCMC cũng d□n đ□n tích t□ ch□t P.45, đ□□c bi□u hi□n trong mô ung th□ ph□i và có liên quan đ□n s□ tăng sinh kh□i u và tăng sinh m□ch.

S□ đ□ tác d□ng h□ huy□t áp c□a thu□c UCMC

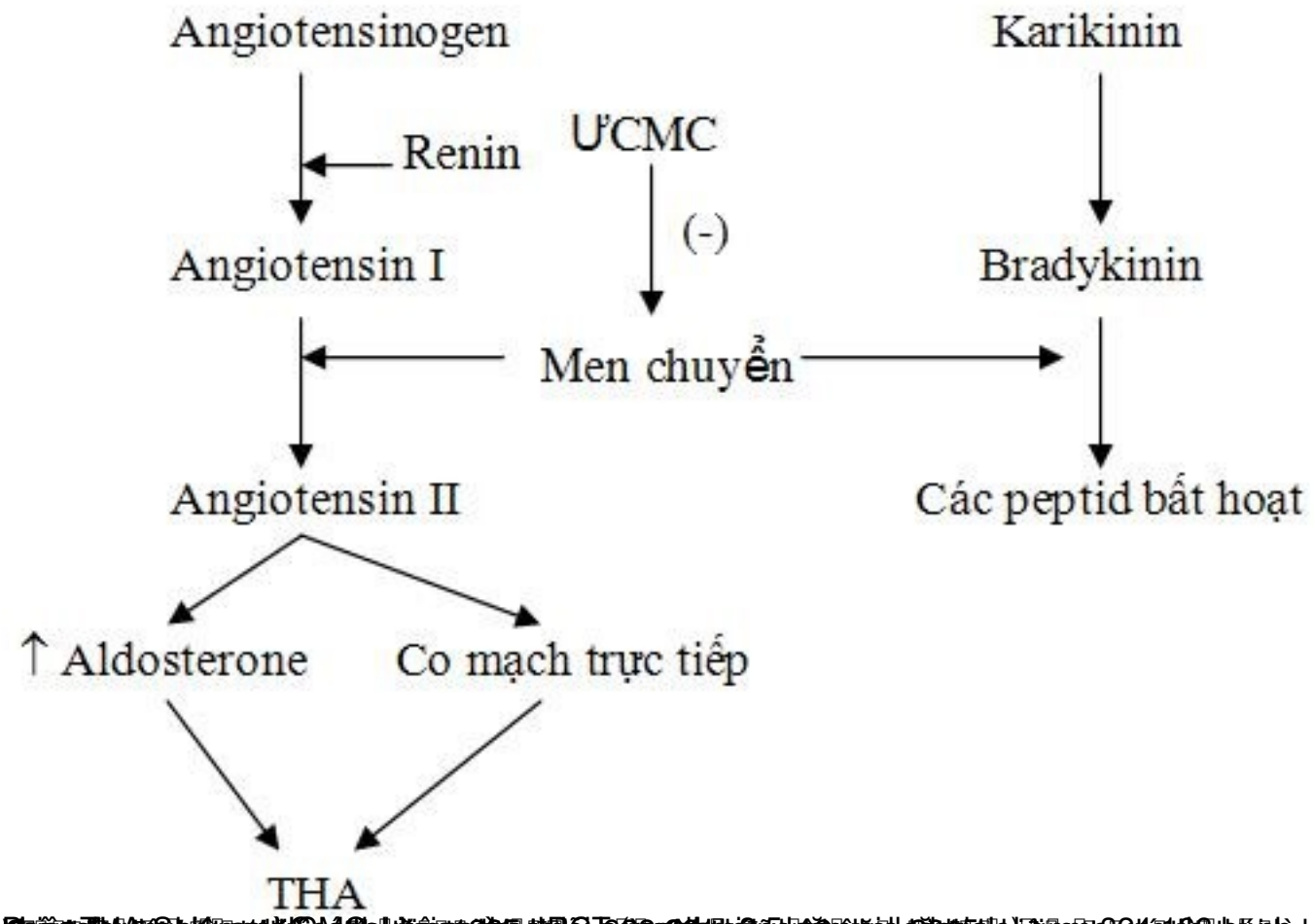
Angiotensinogen
Karikinin
Renin
ƯCMC
(-)
Angiotensin I
Bradykinin
Men chuyển
Angiotensin II
Các peptid bất hoạt
↑ Aldosterone
Co mạch trực tiếp
THA

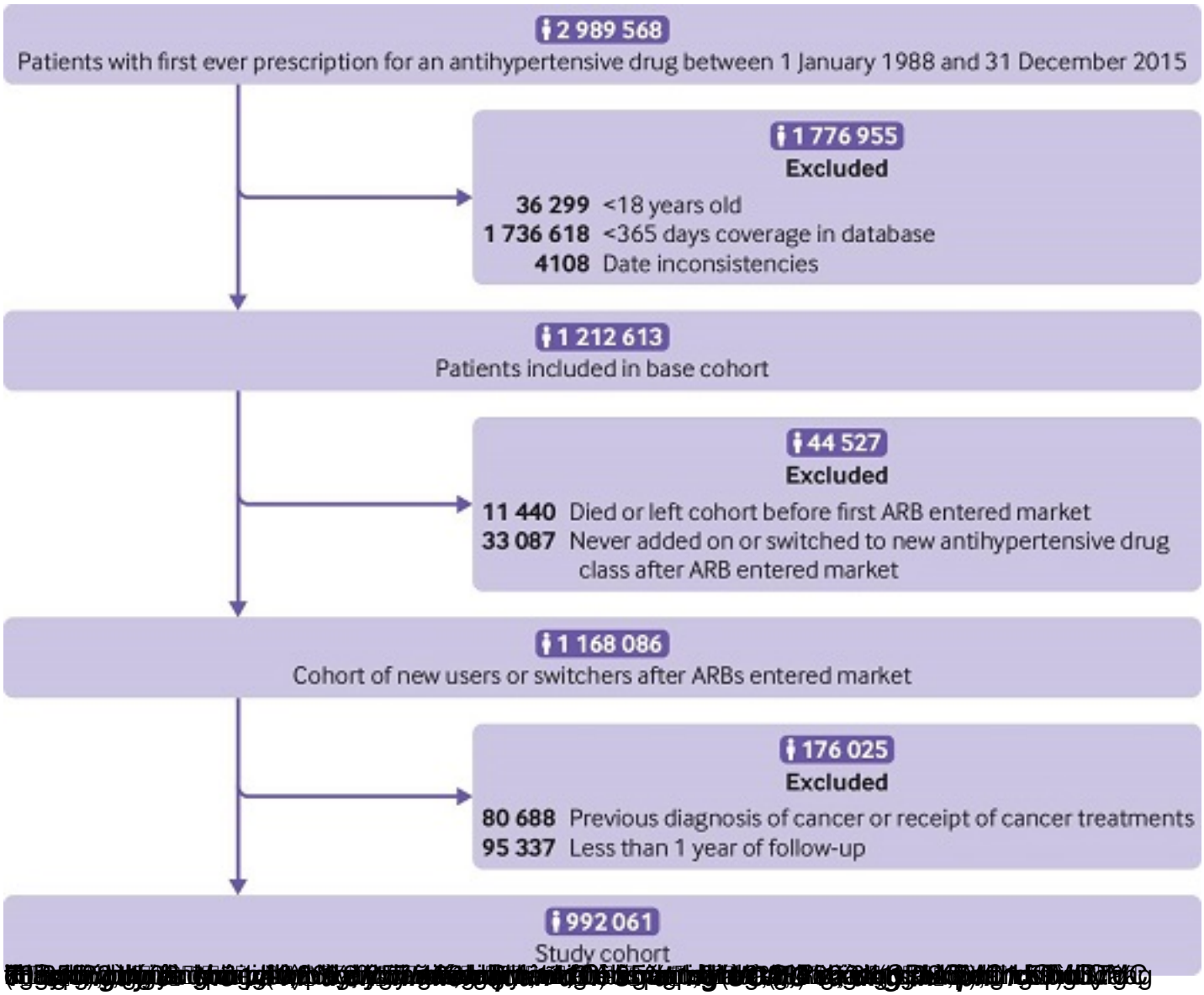
2 989 568
Patients with first ever prescription for an antihypertensive drug between 1 January 1988 and 31 December 2015
1 776 955
Excluded
36 299 <18 years old
1 736 618 <365 days coverage in database
4108 Date inconsistencies
1 212 613
Patients included in base cohort
44 527
Excluded
11 440 Died or left cohort before first ARB entered market
33 087 Never added on or switched to new antihypertensive drug class after ARB entered market
1 168 086
Cohort of new users or switchers after ARBs entered market
176 025
Excluded
80 688 Previous diagnosis of cancer or receipt of cancer treatments
95 337 Less than 1 year of follow-up
992 061
Study cohort

Table 2 Crude and adjusted hazard ratios for association between the use of ACEIs and risk of lung cancer

Exposure*	Events	Person years	Incidence rate (95% CI)†	Hazard ratio (95% CI)		P for trend
				Crude	Adjusted‡	
ARBs	266	213 557	1.2 (1.1 to 1.4)	1.00	1.00 (reference)	
ACEIs	3186	1 977 139	1.6 (1.6 to 1.7)	1.32	1.14 (1.01 to 1.29)	
Cumulative duration of ACEI use (years)						
≤5	2084	1 440 232	1.4 (1.4 to 1.5)	1.24	1.10 (0.96 to 1.25)	<0.001
5.1-10	905	457 309	2.0 (1.9 to 2.1)	1.44	1.22 (1.06 to 1.40)	
>10	197	79 598	2.5 (2.1 to 2.8)	1.63	1.31 (1.08 to 1.59)	
Time since first ACEI use (years)						
≤5	1617	1 158 441	1.4 (1.3 to 1.5)	1.24	1.11 (0.97 to 1.27)	<0.001
5.1-10	1155	647 103	1.8 (1.7 to 1.9)	1.33	1.14 (0.99 to1.30)	
>10	414	171 596	2.4 (2.2 to 2.7)	1.62	1.29 (1.10 to 1.51)	

[illegible]